|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  **VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2022* |

**BÁO CÁO**

Rà soát pháp luật trong nước và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến dự thảo Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi)

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiến hành rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong nước và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên liên quan đến dự thảo Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi) (gọi tắt là dự thảo Luật) để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành. NHNN xin báo cáo kết quả rà soát như sau:

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**

**1. Phạm vi, nội dung rà soát**

- Về phạm vi rà soát: gồm toàn bộ nội dung dự thảo Luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan theo các nhóm vấn đề: Một số khái niệm và quy định chung; Biện pháp phòng, chống rửa tiền (bao gồm: Thông tin nhận biết khách hàng; Thỏa thuận pháp lý, Minh bạch thông tin của pháp nhân; Bảo đảm bí mật, thông tin tài liệu báo cáo; Phong tỏa tài khoản, niêm phong hoặc tạm giữ tài sản); Trách nhiệm các cơ quan nhà nước trong phòng, chống rửa tiền; Một số nội dung liên quan đến hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền.

- Về nội dung rà soát: Đối chiếu các quy định tại dự thảo Luật với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và hệ thống các văn bản QPPL hiện hành gồm các luật, nghị quyết, pháp lệnh, nghị định, quyết định, thông tư… đảm bảo tính hợp hiến, đồng bộ, thống nhất với các văn bản được rà soát, tránh mâu thuẫn, chồng chéo hoặc khoảng trống pháp lý trong hệ thống pháp luật.

**2. Mục đích việc rà soát dự thảo Luật và các văn bản có liên quan**

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo Luật là đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong hệ thống pháp luật.

**3. Kết quả rà soát**

Qua rà soát đã xác định tổng số văn bản được rà soát là **52 văn bản**, bao gồm: Hiến pháp; 06 Công ước quốc tế; 02 Hiệp định; 19 Luật; 18 Nghị định của Chính phủ; 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 02 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; 03 Thông tư *(Phụ lục I đính kèm).*

**4. Những nội dung cơ bản của dự thảo Luật**

Dự thảo Luật được xây dựng với kết cấu gồm 4 chương, 65 điều quy định những nội dung chính như sau:

Chương I: Những quy định chung. Chương này gồm 8 điều (từ Điều 1 đến Điều 8).

Chương II: Biện pháp phòng, chống rửa tiền (từ Điều 9 đến Điều 46). Chương này gồm 4 mục, 36 điều:

+ Mục 1: Nhận biết khách hàng và cập nhật, xác minh thông tin khách hàng. Mục này gồm 15 điều;

+ Mục 2: Trách nhiệm báo cáo, cung cấp, lưu trữ hồ sơ, thông tin và xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền. Mục này gồm 16 điều;

+ Mục 3: Thu thập, xử lý, phân tích, giám sát và chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền. Mục này gồm 3 điều;

+ Mục 4: Áp dụng các biện pháp tạm thời. Mục này gồm 3 điều.

Chương III: Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong phòng, chống rửa tiền (từ Điều 47 đến Điều 62).

Chương IV: Điều khoản thi hành gồm 3 Điều (từ Điều 63 đến Điều 65).

**II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT**

**A. RÀ SOÁT CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN**

**1. Công ước về chống buôn bán bất hợp pháp ma túy và chất hướng thần năm 1988 (Công ước Viên)**

Do mối quan ngại tăng lên trước tình trạng buôn bán bất hợp pháp ma túy quốc tế ngày càng tăng và những khối lượng tiền khổng lồ liên quan được đưa vào hệ thống ngân hàng, Liên hợp quốc đã thông qua Công ước Viên năm 1988. Công ước này chủ yếu đề cập đến các điều khoản để chống buôn bán bất hợp pháp ma túy và các vấn đề liên quan đến thi hành pháp luật. Mặc dù trong Công ước Viên không sử dụng thuật ngữ rửa tiền nhưng Công ước đã đưa ra định nghĩa về khái niệm này và yêu cầu các nước hình sự hóa hoạt động đó. Công ước Viên chỉ quy định tội buôn bán bất hợp pháp ma túy là tội phạm nguồn và không xử lý các khía cạnh mang tính phòng ngừa việc rửa tiền. Công ước có hiệu lực từ tháng 11/1990.

Khoản 1 Điều 3 Công ước Viên quy định về “Tội phạm và hình phạt” như sau:

*“1. Theo nội luật của mình, mỗi bên của Công ước sẽ áp dụng những biện pháp cần thiết để coi là tội phạm hình sự những hành vi dưới đây nếu chúng được cố ý thực hiện:*

*(a) i) Sản xuất, điều chế, chiết xuất, pha chế, chào hàng, phân phối, bán, trao đổi dưới bất cứ hình thức nào như môi giới, gửi, quá cảnh, vận chuyển, nhập khẩu, xuất khẩu ma tuý và các chất hướng thần trái với các quy định của Công ước 1961, Công ước 1961 sửa đổi hoặc Công ước 1971;*

*ii) Trồng cây thuốc phiện, cây cô ca hay cây cần sa với mục đích sản xuất trái phép ma tuý, trái phép với các quy định của Công ước 1961 và Công ước 1961 sửa đổi;*

*iii) Tàng trữ hoặc mua bán bất kỳ chất ma tuý hoặc chất hướng thần nào với mục đích thực hiện bất kỳ hoạt động nào quy định tại điểm (i) nói trên;*

*iv) Điều chế, vận chuyển hay cung cấp phương tiện, nguyên liệu hoặc các chất trong các Bảng I và Bảng II mà biết rõ những chất đó được sử dụng để trồng trọt, sản xuất, điều chế trái phép các chất ma tuý hoặc các chất hướng thần;*

*v) Tổ chức, chỉ đạo hoặc tài trợ cho bất kỳ hành động phạm tội nào quy định tại các điểm (i), (ii), (iii) hoặc (iv) nói trên;*

*b) i) Chuyển đổi hoặc chuyển giao tài sản khi biết rằng tài sản đó thu được từ bất kỳ hành vi phạm tội nào được quy định tại điểm (a) của khoản này hoặc từ việc tham gia vào hoạt động phạm tội đó với mục đích che giấu hoặc ngụy trang nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản hoặc giúp bất kỳ người nào có dính líu vào hành vi phạm tội như vậy trốn tránh trách nhiệm hình sự của hành vi đó;*

*ii) Che giấu hoặc ngụy trang bản chất thực sự nguồn gốc, địa điểm, chuyển nhượng, chuyển quyền sở hữu tài sản mà biết rõ tài sản đó thu được từ hoạt động phạm tội đã được quy định tại điểm (a) được quy định tại điểm này;*

*c) Dựa theo những quy định của Hiến pháp và những khái niệm cơ bản của hệ thống pháp luật của từng nước;*

*i) Việc có được sở hữu, hoặc sử dụng tài sản mà vào thời điểm đó biết rõ đấy là tài sản do phạm tội quy định tại điểm (a) khoản này hoặc do tham gia vào những hoạt động phạm tội đó mà có;*

*ii) Tàng trữ những phương tiện, nguyên liệu hoặc các chất liệt kê trong Bảng I và Bảng II mà biết rõ những thứ đó đang hoặc sẽ được sử dụng trái phép cho các mục đích trồng, sản xuất hoặc điều chế các chất ma tuý và các chất hướng thần;*

*iii) Bằng mọi cách kích động hoặc xúi giục người khác phạm tội quy định tại Điều này hoặc sử dụng trái phép các chất ma tuý và các chất hướng thần;*

*iv) Tham gia, cấu kết hoặc có âm mưu phạm các tội quy định tại Điều này, cũng như có hành vi giúp sức, xúc giục, thúc đẩy hoặc dụ dỗ người khác phạm bất kỳ tội nào quy định tại Điều này.”*

**2. Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 (Công ước Palécmô)**

Nhằm tăng cường nỗ lực chống tội phạm quốc tế có tổ chức, Liên hợp quốc đã thông qua Công ước Palécmô năm 2000. Công ước bao gồm nhiều điều khoản về chống tội phạm có tổ chức và yêu cầu những nước đã thông qua Công ước này phải thực hiện các điều khoản của Công ước bằng cách ban hành luật trong nước. Công ước Palécmô có hiệu lực vào ngày 29/9/2003.

Về rửa tiền, Công ước Palécmô bắt buộc mỗi nước thông qua công ước phải:

- Hình sự hóa việc rửa tiền và quy định tất cả các tội nghiêm trọng là tội phạm nguồn của tội rửa tiền, bất kể phạm tội được thực hiện ở trong nước hay ở ngoài nước và cho phép suy đoán về sự cố ý phạm tội từ những tình tiết khách quan.

- Xây dựng các biện pháp để phòng ngừa và phát hiện mọi hành vi rửa tiền, kể cả nhận dạng khách hàng, lưu giữ hồ sơ và báo cáo giao dịch đáng ngờ.

- Trao quyền hợp tác và trao đổi thông tin giữa các cơ quan hành chính, quản lý, thi hành pháp luật và các cơ quan khác, cả ở trong nước và trên phạm vi quốc tế và xem xét việc thành lập một đơn vị tình báo tài chính để thu thập, phân tích và phổ biến thông tin; và

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế.

Cụ thể, Điều 6 Công ước Palécmô quy định về “Hình sự hoá hành vi hợp pháp hoá tài sản do phạm tội mà có” như sau:

“1. Phù hợp với những nguyên tắc cơ bản trong pháp luật trong nước của mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật hoặc những biện pháp cần thiết khác để coi các hành vi sau là tội phạm khi chúng được thực hiện một cách cố ý:

(a) (i) Chuyển đổi hay chuyển giao tài sản, dù biết rằng những tài sản này do phạm tội mà có, nhằm che đậy hoặc che dấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản hoặc nhằm giúp đỡ bất cứ người nào liên quan đến việc thực hiện một hành vi vi phạm nguồn lẩn tránh những hậu quả pháp lý do hành vi của người đó gây ra;

(ii) Che đậy hoặc che dấu bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, việc chuyển nhượng, chuyển dịch hoặc quyền sở hữu hay những quyền đối với tài sản, dù biết rằng tài sản này do phạm tội mà có;

(b) Tuỳ theo những khái niệm cơ bản của hệ thống pháp lý của quốc gia:

(i) Giành được, sở hữu hoặc sử dụng tài sản, dù tại thời điểm nhận được tài sản, biết rằng đó là tài sản do phạm tội mà có;

(ii) Tham gia, liên kết hay thông đồng thực hiện, nỗ lực thực hiện và hỗ trợ, xúi giục, tạo điều kiện và hướng dẫn thực hiện bất kỳ một hành vi phạm tội nào theo quy định của điều này.

2. Để thực hiện hay áp dụng Khoản 1 của điều này:

(a) Mỗi Quốc gia thành viên sẽ tìm cách áp dụng Khoản 1 Điều này ở phạm vi rộng nhất của các hành vi vi phạm nguồn;

(b) Mỗi Quốc gia thành viên sẽ coi cả những tội phạm nghiêm trọng được định nghĩa tại Điều 2 của Công ước này và những hành vi phạm tội quy định tại Điều 5, 8 và 23 là những hành vi phạm tội nguồn. Đối với các Quốc gia thành viên mà luật pháp của họ định rõ một danh sách các hành vi phạm tội nguồn cụ thể, thì ít nhất họ sẽ gộp vào trong danh sách này một phạm vi tổng thể các hành vi phạm tội có liên quan đến những nhóm tội phạm có tổ chức;

(c) Vì mục đích của Mục (b), những hành vi vi phạm nguồn sẽ bao gồm những hành vi phạm tội được thực hiện nằm trong và ngoài phạm vi quyền tài phán của Quốc gia thành viên liên quan. Tuy nhiên, những hành vi phạm tội được thực hiện ngoài phạm vi quyền tài phán của một Quốc gia thành viên sẽ chỉ cấu thành hành vi phạm tội nguồn khi hành vi có liên quan là một hành vi phạm tội theo pháp luật trong nước của Quốc gia nơi hành vi đó được thực hiện và là một hành vi tội phạm theo pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên đang thực hiện hay áp dụng điều này nếu như hành vi đó được thực hiện ở quốc gia này;

(d) Mỗi Quốc gia thành viên sẽ cung cấp cho Tổng thư ký Liên hợp quốc các bản sao luật của họ quy định việc áp dụng điều này và bản sao của bất cứ sửa đổi nào liên quan đến những luật này hoặc những văn bản hướng dẫn những luật này.

(e) Nếu những nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong nước của một Quốc gia thành viên đòi hỏi thì có thể quy định rằng những hành vi phạm tội nêu tại Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với những người đã thực hiện những hành vi phạm tội nguồn;

(f) Sự nhận thức, ý định hay mục đích được coi là yếu tố cấu thành hành vi phạm tội nêu tại Khoản 1 Điều này có thể được suy ra từ những hoàn cảnh thực tế khách quan.”

Điều 7 Công ước Palécmô quy định về “Các biện pháp chống rửa tiền” như sau:

“1. Mỗi Quốc gia thành viên:

*(a) Trong phạm vi thẩm quyền của mình, thiết lập một thể chế điều chỉnh và giám sát tổng thể trong nước đối với các ngân hàng và định chế tài chính phi ngân hàng và cả các cơ quan khác đặc biệt dễ liên quan đến việc rửa tiền nếu cần, để ngăn ngừa và phát hiện tất cả các hình thức rửa tiền, thể chế này sẽ nhấn mạnh đến những yêu cầu về nhận dạng khách hàng, lưu trữ hồ sơ và báo cáo về những giao dịch có nghi vấn;*

*(b) Không làm phương hại tới các Điều 18 và 27 của Công ước này, đảm bảo rằng các cơ quan hành chính, lập quy, hành pháp và các cơ quan chống rửa tiền khác (kể cả những cơ quan tư pháp nếu pháp luật trong nước quy định) có khả năng hợp tác và trao đổi thông tin ở cấp độ quốc gia và quốc tế, trong phạm vi các quy định của pháp luật trong nước và để đạt được mục tiêu này sẽ xem xét việc thành lập cơ quan tình báo tài chính hoạt động như một trung tâm quốc gia để thu thập, phân tích và phổ biến thông tin về nguy cơ rửa tiền.*

2. Các quốc gia thành viên sẽ cân nhắc việc áp dụng những biện pháp khả thi để phát hiện và giám sát việc chuyển tiền và các giấy tờ có thể chuyển đổi thành tiền qua biên giới của họ theo cơ chế an ninh để bảo đảm việc sử dụng đúng đắn các thông tin và không cản trở việc vận chuyển vốn hợp pháp dưới mọi hình thức. Những biện pháp này có thể bao gồm cả việc yêu cầu các cá nhân và doanh nghiệp báo cáo về các hoạt động chuyển giao tiền và những giấy tờ có thể chuyển đổi thành tiền với số lượng lớn qua biên giới.

*3. Không làm phương hại tới bất cứ quy định nào của Công ước này, khi thiết lập thể chế điều chỉnh và giám sát theo các quy định của Điều này, các quốc gia thành viên nên sử dụng những sáng kiến thích hợp về chống rửa tiền của các tổ chức khu vực, liên khu vực và đa phương như là phương hướng hành động.*

*4. Các quốc gia thành viên sẽ cố gắng phát triển và thúc đẩy hợp tác toàn cầu, khu vực, tiểu khu vực và song phương giữa các cơ quan tư pháp, hành pháp và điều chỉnh tài chính để chống rửa tiền.”*

Như vậy, trên cơ sở Công ước Palécmô, liên quan đến công tác phòng, chống rửa tiền, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần xây dựng, đưa vào Luật phòng, chống rửa tiền các nội dung liên quan đến biện pháp phòng, chống rửa tiền, đơn vị tình báo tài chính và hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền.

**3. Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003 (Công ước Merida)**

Lo ngại về sự liên kết giữa tham nhũng với các loại tội phạm khác, đặc biệt là tội phạm có tổ chức và tội phạm kinh tế, bao gồm cả tội rửa tiền, Liên hợp quốc đã thông qua Công ước Merida năm 2003. Công ước nhằm mục đích thúc đẩy và tăng cường các biện pháp phòng và chống tham nhũng một cách hữu hiệu và hiệu quả hơn. Liên quan đến rửa tiền, Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên phải:

- Xây dựng các biện pháp chống rửa tiền như thiết lập cơ chế giám sát các tổ chức tài chính, xác định khách hàng và chủ sở hữu hưởng lợi, lưu giữ hồ sơ và báo cáo về giao dịch đáng ngờ, điện chuyển tiền.

- Thành lập đơn vị tình báo tài chính có trách nhiệm nhận, phân tích, và chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền báo cáo về các giao dịch tài chính đáng ngờ.

- Hình sự hóa các tội phạm liên quan đến tài sản do phạm tội mà có.

- Phòng ngừa, điều tra, truy tố tham nhũng cũng như phong tỏa, tạm giữ, tịch thu và hoàn trả tài sản có được do phạm các tội được quy định trong Công ước.

- Hợp tác quốc tế.

Các quy định cụ thể trong Công ước liên quan đến chống rửa tiền gồm:

**“Điều 14. Các biện pháp chống rửa tiền**

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ:

(a) Trong phạm vi thẩm quyền của mình, thiết lập một cơ chế giám sát và điều tiết toàn diện trong nước đối với các ngân hàng, các định chế tài chính phi ngân hàng, kể cả các cá nhân hay pháp nhân cung cấp dịch vụ chính thức hoặc không chính thức về chuyển tiền hoặc vật có giá trị, và khi thích hợp, cả những cơ quan khác đặc biệt dễ liên quan đến rửa tiền, nhằm ngăn chặn, phát hiện mọi hình thức rửa tiền; cơ chế điều tiết và giám sát này phải nhấn mạnh đến các yêu cầu về xác định khách hàng và cả người sở hữu hưởng lợi khi thích hợp, lưu giữ hồ sơ và báo cáo về các giao dịch đáng ngờ;

(b) Trên cơ sở không trái với Điều 46 của Công ước này, đảm bảo rằng các cơ quan hành chính, giám sát, thực thi pháp luật và các cơ quan khác chuyên về chống rửa tiền (bao gồm cả các cơ quan tư pháp nếu phù hợp với pháp luật quốc gia) có khả năng hợp tác và trao đổi thông tin ở cấp quốc gia và quốc tế trong phạm vi điều kiện mà pháp luật quốc gia quy định và, nhằm mục đích này, xem xét thành lập một đơn vị tình báo tài chính để hoạt động như một trung tâm quốc gia để thu thập, phân tích và phổ biến thông tin về hoạt động rửa tiền tiềm tàng.

2. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét thực hiện các biện pháp khả thi nhằm phát hiện, kiểm soát việc di chuyển tiền mặt và các công cụ có giá trị chuyển đổi qua biên giới nước mình, nhưng cũng tuân thủ biện pháp an ninh nhằm đảm bảo sử dụng thông tin đúng đắn và không gây trở ngại dưới bất kỳ hình thức nào tới việc di chuyển các dòng vốn hợp pháp. Những biện pháp như vậy có thể bao gồm biện pháp yêu cầu các cá nhân và tổ chức kinh doanh báo cáo về việc chuyển qua biên giới những lượng tiền mặt lớn và các công cụ có giá trị chuyển đổi khác.

3. Các quốc gia thành viên xem xét thực hiện các biện pháp phù hợp và khả thi yêu cầu các định chế tài chính, kể cả bên chuyển tiền:

(a) Điền vào đơn chuyển tiền qua đường điện tử và các loại thư tín liên quan thông tin chính xác và có ý nghĩa về người gửi tiền;

(b) Duy trì thông tin đó xuyên suốt quá trình chi trả; và

(c) Tăng cường giám sát việc chuyển các khoản tiền không có thông tin đầy đủ về người gửi tiền.

4. Khi thiết lập một cơ chế quản lý và giám sát trong nước theo quy định của Điều này và trên cơ sở không trái các điều khoản khác của Công ước này, các Quốc gia thành viên được khuyến nghị sử dụng các sáng kiến chống rửa tiền có liên quan của các tổ chức khu vực, liên khu vực và đa phương như là định hướng giải quyết vấn đề.

5. Các Quốc gia thành viên sẽ nỗ lực phát triển và thúc đẩy hợp tác song phương, tiểu khu vực, khu vực và toàn cầu giữa các cơ quan tư pháp, thực thi pháp luật và giám sát tài chính nhằm đấu tranh chống rửa tiền.”

**“Điều 52. Phòng ngừa và phát hiện việc chuyển tài sản do phạm tội mà có**

1. Không trái với Điều 14 của Công ước này, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết, căn cứ theo pháp luật quốc gia để yêu cầu các tổ chức tài chính, trong phạm vi quyền tài phán của mình, xác định và nhận dạng khách hàng, áp dụng các biện pháp hợp lý để xác định nhận dạng chủ sở hữu được hưởng lợi của các khoản tiền được gửi trong các tài khoản có giá trị lớn, và tổ chức kiểm tra kỹ các tài khoản được mở hay duy trì bởi hoặc nhân danh các cá nhân đang, hoặc đã từng giữ chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước, hay các thành viên trong gia đình hoặc cộng sự thân thiết của người này. Việc kiểm tra kỹ lưỡng phải được lập kế hoạch hợp lý để phát hiện các giao dịch đáng ngờ nhằm báo cáo các cơ quan có thẩm quyền và không được giải thích để ngăn cản hay ngăn cấm các tổ chức tài chính giao dịch với các khách hàng hợp pháp.

2. Để tạo thuận lợi thi hành các biện pháp quy định tại khoản 1 của Điều này, mỗi quốc gia thành viên, căn cứ vào pháp luật quốc gia và theo các sáng kiến tương ứng của các tổ chức chống rửa tiền của khu vực, liên khu vực và đa phương, sẽ:

(a) Đưa ra khuyến nghị về loại cá nhân hay pháp nhân mà đối với tài khoản của họ, các tổ chức tài chính trong phạm vi thẩm quyền của mình được yêu cầu xem xét kỹ lưỡng về loại tài khoản và giao dịch cần được chú ý đặc biệt và về việc áp dụng các biện pháp mở, duy trì, lưu giữ thông tin thích hợp đối với các loại tài khoản và giao dịch này; và

(b) Nếu thích hợp, thông báo các tổ chức tài chính trong phạm vi thẩm quyền của mình, theo đề nghị của một quốc gia thành viên khác hoặc do mình khởi xướng, về nhận dạng của một tự nhiên cá nhân hoặc pháp nhân nào đó mà tài khoản của đối tượng này, ngoài các đối tượng mà chính các tổ chức tài chính đã nhận dạng, cần được xem xét kỹ lưỡng bởi các tổ chức tài chính.

3. Khi áp dụng khoản 2 (a) của Điều này, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp để đảm bảo rằng các tổ chức tài chính của mình duy trì một các thích hợp việc lưu giữ thông tin, trong khoảng thời gian hợp lý, về các tài khoản và giao dịch liên quan đến các đối tượng được nhắc đến tại khoản 1 của Điều này, thông tin lưu giữ tối thiểu phải có thông tin nhận dạng của khách hàng và, tới chừng mực có thể, của chủ sở hữu được hưởng lợi.

4. Nhằm phòng ngừa và phát hiện việc chuyển tài sản có được do phạm các tội được quy định theo Công ước này, mỗi quốc gia thành viên với sự giúp đỡ của các cơ quan quản lý và giám sát của mình sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp và có hiệu quả nhằm phòng ngừa việc thành lập các ngân hàng không có sự hiện diện thực tế và không có quan hệ với nhóm tài chính đã được điều chỉnh. Thêm nữa, các quốc gia thành viên có thể xem xét việc yêu cầu các định chế tài chính của mình từ chối tham gia hoặc từ chối duy trì quan hệ ngân hàng với các tổ chức như vậy, đồng thời từ chối thiết lập quan hệ với các tổ chức tài chính nước ngoài mà tài khoản của họ có thể được sử dụng bởi các ngân hàng không có sự hiện diện thực tế và không có quan hệ với nhóm tài chính được điều chỉnh.

5. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét việc thiết lập, căn cứ vào pháp luật quốc gia, hệ thống công khai tài chính hiệu quả đối với nhóm công chức nhất định, và quy định chế tài thích hợp đối với việc không chấp hành. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét tiến hành các biện pháp cần thiết để cho phép các cơ quan có thẩm quyền chia sẻ những thông tin này với các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên khác khi cần để điều tra, đòi và thu hồi những tài sản có được do phạm những tội quy định trong Công ước này.

6. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét áp dụng các biện pháp cần thiết, căn cứ theo pháp luật quốc gia, để yêu cầu nhóm công chức nhất định có lợi ích, có chữ ký hoặc có quyền đối với một tài khoản ở nước ngoài, phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền về mối quan hệ với tài khoản đó và duy trì những hồ sơ tin thích hợp liên quan đến các tài khoản như vậy. Các biện pháp này phải bao gồm chế tài đối với việc không chấp hành.”

**“Điều 58. Đơn vị tình báo tài chính**

Các quốc gia thành viên sẽ hợp tác với nhau để phòng và chống việc chuyển tài sản có được do phạm các tội được quy định theo Công ước này và thúc đẩy cách thức và biện pháp nhằm thu hồi các tài sản này. Để đạt được các mục đích này, các quốc gia thành viên sẽ xem xét việc thành lập đơn vị tình báo tài chính có trách nhiệm nhận, phân tích và chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền báo cáo về các giao dịch tài chính đáng ngờ.”

Như vậy, trên cơ sở Công ước Merida, liên quan đến công tác phòng, chống rửa tiền, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần phải xây dựng Luật phòng, chống rửa tiền đảm bảo có các nội dung về giám sát các tổ chức tài chính, các biện pháp phòng, chống rửa tiền, thành lập đơn vị tình báo tài chính và hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền.

**4. Công ước quốc tế về chống tài trợ khủng bố năm 1999**

Lo ngại về việc các hành vi khủng bố ngày càng gia tăng trên phạm vi toàn thế giới, Liên hợp quốc đã thông qua Công ước quốc tế về chống tài trợ khủng bố năm 1999. Công ước này yêu cầu các nước đã phê chuẩn phải hình sự hóa chủ nghĩa khủng bố, các tổ chức khủng bố và hành vi khủng bố. Theo Công ước, sẽ là bất hợp pháp đối với bất kỳ người nào cung cấp hoặc quyên góp tiền với ý định là số tiền đó sẽ được sử dụng cho hoặc biết rằng số tiền đó được sử dụng để tiến hành bất kỳ một hành vi khủng bố nào được định nghĩa trong các công ước cụ thể khác liệt kê trong phụ lục kèm theo Công ước này.

Điều 2 Công ước quốc tế về chống tài trợ khủng bố quy định như sau:

“1. Người bị coi là phạm tội theo Công ước này nếu cung cấp hoặc huy động tiền bạc dưới bất kỳ hình thức nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất hợp pháp và cố ý với mục đích hoặc biết là một phần hoặc toàn bộ tiền bạc đó sẽ được sử dụng nhằm thực hiện:

a) Hành vi cấu thành một tội trong phạm vi và được định nghĩa trong một trong các điều ước liệt kê trong Phụ lục; hoặc

b) Hành vi khác với ý định giết hại hoặc làm bị thương nặng thường dân, hoặc người khác không tham gia tích cực vào hoạt động thù địch trong hoàn cảnh có xung đột vũ trang khi xét về bản chất hoặc hoàn cảnh xảy ra thì hành vi đó có mục đích khủng bố dân cư hoặc ép buộc một Chính phủ hoặc một tổ chức quốc tế làm hoặc không làm một việc gì.

2…

3. Một hành vi được coi là đã cấu thành một tội nói tại khoản 1 kể cả trong trường hợp số tiền bạc liên quan thực tế chưa được sử dụng để thực hiện một tội nói tại điểm a hoặc điểm b khoản 1.

4. Một người cũng bị coi là phạm tội nếu người đó thực hiện chưa đạt một tội phạm nói tại khoản 1 Điều này.

5. Một người cũng bị coi là phạm tội nếu:

a) Tham gia với tư cách là người đồng phạm vào việc thực hiện một tội phạm nói tại khoản 1 hoặc khoản 4 Điều này;

b) Tổ chức hoặc chỉ đạo người khác thực hiện một tội phạm nói tại khoản 1 hoặc khoản 4 Điều này;

c) Góp phần vào việc thực hiện một hoặc nhiều tội phạm nói tại khoản 1 hoặc khoản 4 Điều 4 này bởi một nhóm người hoặc những người hoạt động nhằm mục đích chung. Sự đóng góp này được coi là cố ý và được:

c1. Thực hiện nhằm thúc đẩy hoạt động phạm tội hoặc mục đích phạm tội của nhóm khi hành động hoặc mục đích đó liên quan đến việc thực hiện một tội phạm nói tại khoản 1 Điều này; hoặc

c2. Thực hiện mà biết mục đích của nhóm là thực hiện một tội phạm nói tại khoản 1 Điều này.”

9 điều ước quốc tế được liệt kê trong Công ước quốc tế về chống tài trợ khủng bố chưa đưa ra khái niệm về khủng bố mà chỉ quy định nghiêm cấm, xử lý một số hành vi cụ thể bị coi là khủng bố. Việt Nam đều đã chính thức tham gia 9 điều ước quốc tế này (gồm: Công ước về trừng trị việc chiếm giữ bất hợp pháp tàu bay năm 1970; Công ước về trừng trị những hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn hàng không dân dụng năm 1971; Công ước về ngăn ngừa và trừng trị các tội phạm chống lại những người được hưởng bảo hộ quốc tế, bao gồm viên chức ngoại giao năm 1973; Công ước quốc tế về chống bắt cóc con tin năm 1979; Công ước bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân năm 1980; Nghị định thư về trừng trị các hành vi bạo lực bất hợp pháp tại các cảng hàng không phục vụ hàng không dân dụng quốc tế năm 1988; Công ước về trừng trị các hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn hành trình hàng hải năm 1988; Nghị định thư về trừng trị các hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn của những công trình cố định trên thềm lục địa năm 1988; Công ước quốc tế về chống khủng bố bằng bom năm 1997.)

**5. Công ước ASEAN về chống khủng bố**

Trước tình hình khủng bố trên thế giới và khu vực ASEAN gia tăng, trở thành mối đe dọa và thách thức lớn đối với an ninh và sự phát triển của mỗi quốc gia, cộng đồng ASEAN đã thông qua Công ước ASEAN về chống khủng bố năm 2007, có hiệu lực năm 2011. Công ước đã tạo ra khuôn khổ pháp lý để điều chỉnh các hoạt động hợp tác của các nước ASEAN trong lĩnh vực chống khủng bố, trong đó có việc ngăn chặn tài trợ khủng bố.

Cụ thể, khoản 1 Điều VI về “Lĩnh vực hợp tác” quy định:

“1. Phù hợp với pháp luật quốc gia mỗi bên, các lĩnh vực hợp tác theo Công ước này có thể bao gồm các biện pháp thích hợp nhằm:

a. Thực hiện các bước cần thiết để phòng ngừa việc thực hiện các hành vi khủng bố, kể cả bằng việc cảnh báo sớm cho các bên khác thông qua trao đổi thông tin;

b. Ngăn chặn những người tài trợ, lập kế hoạch, tạo điều kiện hoặc thực hiện hành vi khủng bố sử dụng lãnh thổ của mình nhằm mục đích chống lại các bên khác hoặc công dân của các bên khác;

c. Ngăn chặn và trừng trị việc tài trợ cho các hành vi khủng bố;

…

h. Tăng cường trao đổi thông tin tình báo và chia sẻ thông tin;

…

m. Bảo đảm rằng bất kỳ người nào tham gia vào việc tài trợ, lập kế hoạch, chuẩn bị hoặc thực hiện các hành vi khủng bố hoặc vào việc hỗ trợ hành vi khủng bố đều phải bị đưa ra xét xử trước pháp luật.”

Trên cơ sở rà soát các Công ước (Công ước về chống buôn bán bất hợp pháp ma túy và chất hướng thần năm 1988; Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000; Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003; Công ước quốc tế về chống tài trợ khủng bố năm 1999; Công ước ASEAN về chống khủng bố) cho thấy, việc sửa đổi, bổ sung những nội dung tại dự thảo Luật là một yêu cầu để thực thi có hiệu quả các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam đã gia nhập hoặc phê chuẩn.

**B. RÀ SOÁT CÁC HIỆP ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN**

**1. Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)**

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương gọi tắt là Hiệp định CPTPP, là một hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, gồm 11 nước thành viên là: Ốt-xtrây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Chi-lê, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Niu Di-lân, Pê-ru, Xinh-ga-po và Việt Nam.

Hiệp định đã được ký kết ngày 08 tháng 3 năm 2018 tại thành phố San-ti-a-gô, Chi-lê, và chính thức có hiệu lực từ ngày 30 tháng 12 năm 2018 đối với nhóm 6 nước đầu tiên hoàn tất thủ tục phê chuẩn Hiệp định gồm Mê-hi-cô, Nhật Bản, Xinh-ga-po, Niu Di-lân, Ca-na-đa và Ốt-xtrây-lia. Đối với Việt Nam, Hiệp định có hiệu lực từ ngày 14 tháng 01 năm 2019.

Hiệp định CPTPP gồm 07 Điều và 01 Phụ lục quy định về mối quan hệ với Hiệp định TPP đã được 12 nước gồm Ốt-xtrây-lia, Bru-nây Đa-rút-xa-lam, Ca-na-đa, Chi-lê, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Niu Di-lân, Pê-ru, Xinh-ga-po và Việt Nam ký ngày 06 tháng 2 năm 2016 tại Niu Di-lân; cũng như xử lý các vấn đề khác liên quan đến tính hiệu lực, rút khỏi hay gia nhập Hiệp định CPTPP.

Về cơ bản, Hiệp định CPTPP giữ nguyên nội dung của Hiệp định TPP (gồm 30 chương và 9 phụ lục) nhưng cho phép các nước thành viên tạm hoãn 20 nhóm nghĩa vụ để bảo đảm sự cân bằng về quyền lợi và nghĩa vụ của các nước thành viên trong bối cảnh Hoa Kỳ rút khỏi Hiệp định TPP. 20 nhóm nghĩa vụ tạm hoãn này bao gồm 11 nghĩa vụ liên quan tới Chương Sở hữu trí tuệ, 2 nghĩa vụ liên quan đến Chương Mua sắm của Chính phủ và 7 nghĩa vụ còn lại liên quan tới 7 Chương là Quản lý hải quan và Tạo thuận lợi Thương mại, Đầu tư, Thương mại dịch vụ xuyên biên giới, Dịch vụ Tài chính, Viễn thông, Môi trường, Minh bạch hóa và Chống tham nhũng. Tuy nhiên, toàn bộ các cam kết về mở cửa thị trường trong Hiệp định TPP vẫn được giữ nguyên trong Hiệp định CPTPP.

Minh bạch hoá và chống tham nhũng là vấn đề được nhấn mạnh trong nhiều cam kết ở hầu hết các Chương của Hiệp định với các quy định về các nghĩa vụ công khai thông tin, thông báo dự thảo... trong những vấn đề cụ thể. Chương 26 về Minh bạch hóa và Chống Tham nhũng quy định về các nghĩa vụ minh bạch chung mà các Chương về các vấn đề riêng không đề cập.

**1.1. Về vấn đề minh bạch hoá**

CPTPP yêu cầu các nước Thành viên phải thực hiện các nghĩa vụ về minh bạch liên quan tới 03 nhóm vấn đề chung và một khía cạnh riêng (về dược phẩm) như sau:

(i) Minh bạch về các văn bản pháp luật áp dụng chung:

Trong nhóm cam kết này đáng chú ý có yêu cầu các nước Thành viên phải ít nhất là đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cấp trung ương trên ấn phẩm hoặc trên một website chính thức duy nhất.

Cũng như vậy khi các văn bản này đã được ban hành, cần được đăng trên Công báo hoặc một website chính thức duy nhất, khuyến nghị có thêm bản giải trình thuyết minh cho văn bản đó. Thực hiện quy định minh bạch hóa, trong quá trình xây dựng Luật PCRT, cơ quan soạn thảo đã đăng tải công khai các bản dự thảo trên các cổng thông tin của Chính phủ và NHNN, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản và trực tiếp đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu tác động.

(ii) Minh bạch liên quan đến các thủ tục tố tụng hành chính áp dụng pháp luật và quy định mang tính áp dụng chung:

Nhóm cam kết này đòi hỏi các nước CPTPP đảm bảo rằng trong các thủ tục ban hành quyết định hành chính chủ thể bị ảnh hưởng trực tiếp phải được thông báo đầy đủ, phải có cơ hội để trình bày thực tế và lập luận để bảo vệ mình trước các quyết định hành chính cuối cùng.

(iii) Minh bạch trong các thủ tục khiếu nại, khiếu kiện:

CPTPP không chỉ yêu cầu các nước phải có cơ chế cho phép khiếu nại, khởi kiện một quyết định hành chính cuối cùng, bảo đảm quyền tố tụng của các bên mà còn đòi hỏi các nước phải đảm bảo rằng các quyết định giải quyết được thực thi nghiêm túc.

**1.2. Về vấn đề chống tham nhũng**

CPTPP không đề cập tới tất cả các khía cạnh, hành vi tham nhũng mà chỉ bao gồm các cam kết của các nước liên quan tới các biện pháp nhằm loại trừ hối lộ và tham nhũng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi của Hiệp định CPTPP.

Các cam kết trong CPTPP về chống tham nhũng bao gồm các nhóm sau:

(i) Các cam kết liên quan tới các Công ước quốc tế về chống tham nhũng:

Các nước CPTPP cam kết gia nhập Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003 và khẳng định tuân thủ Bộ Quy tắc ứng xử của APEC dành cho Công chức năm 2007

(ii) Cam kết liên quan tới hành vi phải xử lý hình sự:

CPTPP yêu cầu các nước Thành viên phải xử lý hình sự đối với các hành vi hối lộ công chức, hành vi đòi hoặc nhận hối lộ của công chức, kể cả công chức nước ngoài hay công chức của tổ chức quốc tế. CPTPP cũng yêu cầu xử lý hình sự đối với các hành vi xúi giục, hỗ trợ, câu kết để thực hiện các hành vi hối lộ/nhận hối lộ này.

Bên cạnh đó, CPTPP có quy định về các nghĩa vụ cụ thể liên quan tới việc xử lý hình sự và mức xử phạt các hành vi nói trên cùng các quy định chi tiết liên quan tới sổ sách, kế toán để ngăn chặn các hành vi hối lộ nói trên.

(iii) Các cam kết khác, bao gồm các cam kết mang tính khuyến nghị về việc hạn chế cơ hội tham nhũng (ví dụ cam kết nỗ lực nâng cao minh bạch trong tuyển dụng, đào tạo công chức, các quy tắc giúp loại trừ các trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích, các yêu cầu báo cáo hoặc công khai tài sản...) và tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân và xã hội vào các hoạt động/cơ chế phòng chống tham nhũng.

Như vậy, mặc dù không liên quan trực tiếp đến các nội dung tại Hiệp định CPTPP nhưng các quy định tại Luật phòng, chống rửa tiền đã góp phần thực hiện các cam kết của Việt Nam về việc minh bạch hoá và chống tham nhũng tại CPTPP thông qua các yêu cầu minh bạch thông tin giao dịch và các chủ thể liên quan đến giao dịch, báo cáo giao dịch đáng ngờ và phối hợp, hỗ trợ các cơ quan tố tụng và cơ quan thực thi pháp luật lần theo dòng tiền, từ đó giúp đảm bảo thu hồi tối đa số tiền và tài sản do phạm tội mà có.

**2. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)**

Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) được chính thức khởi động đàm phán vào năm 2012. Sau khi kết thúc đàm phán và tiến hành rà soát pháp lý để chuẩn bị cho việc ký kết Hiệp định thì nội bộ EU phát sinh một số vấn đề mới liên quan đến phân định thẩm quyền phê chuẩn các FTA giữa EU và từng nước thành viên, do đó EU đề xuất tách Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam - EU thành 02 Hiệp định riêng biệt, bao gồm: Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA) chính là toàn bộ nội dung đã được hai Bên thống nhất trước đây nhưng phần đầu tư sẽ chỉ bao gồm tự do hóa đầu tư trực tiếp nước ngoài. Hiệp định này thuộc thẩm quyền phê chuẩn của EU.  Hiệp định Bảo hộ đầu tư (EVIPA) gồm nội dung bảo hộ đầu tư và giải quyết tranh chấp đầu tư. Hiệp định này phải được sự phê chuẩn của Nghị viện Châu Âu và Nghị viện các nước Thành viên.

Hiệp định EVFTA sau đó được hai bên thống nhất và hoàn tất các thủ tục để tiến tới ký Hiệp định. Ngày 30 tháng 6 năm 2019 tại Hà Nội, được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công thương Việt Nam cùng với Bộ trưởng Bộ Môi trường kinh doanh, Thương mại và Doanh nghiệp của Ru-ma-ni (đại diện Chủ tịch EU) và Cao ủy thương mại EU đã ký Hiệp định EVFTA.

Nội dung chính của Hiệp định EVFTA gồm 17 Chương, 8 Phụ lục, 2 Nghị định thư, 2 Biên bản ghi nhớ và 4 Tuyên bố chung điều chỉnh nhiều vấn đề bao gồm: thương mại hàng hóa (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại, các biện pháp kiểm dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), các hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), thương mại dịch vụ (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), đầu tư, phòng vệ thương mại, cạnh tranh, doanh nghiệp Nhà nước, mua sắm của Chính phủ, sở hữu trí tuệ, thương mại và phát triển bền vững, hợp tác và xây dựng năng lực, pháp lý - thể chế.

Với mức độ cam kết đạt được, EVFTA được coi là một Hiệp định toàn diện, chất lượng cao và đảm bảo cân bằng về lợi ích cho cả Việt Nam và EU, đồng thời phù hợp với các quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), cũng như đã lưu ý đến chênh lệch về trình độ phát triển giữa hai bên.

Xuất phát từ thực tiễn môi trường pháp lý trong nước có ảnh hưởng lớn đến thương mại, trong số các cam kết chính, EVFTA dành một chương riêng (Chương 14) về minh bạch hóa với các yêu cầu chung nhất để đảm bảo một môi trường pháp lý hiệu quả và có thể dự đoán được cho các chủ thể kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Trên thực tế, Minh bạch hóa hoạt động xây dựng, thực thi pháp luật, ban hành quyết định hành chính, xử lý khiếu nại, khiếu kiện hành chính là những khía cạnh cải cách được Chính phủ chú trọng trong thời gian qua. Đây cũng là các vấn đề mà đối tác EU rất quan tâm. Các cam kết EVFTA không chỉ đặt ra những chuẩn mực cải cách tối thiểu từ góc độ pháp luật điều chỉnh các hoạt động này mà còn nhấn mạnh các tiêu chí quan trọng về hiệu quả thực hiện. Do đó, để tuân thủ các cam kết EVFTA này, Việt Nam sẽ phải có những sửa đổi, điều chỉnh pháp luật và thực tiễn thực thi cho phù hợp.

Tương tự đối với Hiệp định CPTPP, các quy định liên quan đến nội dung Minh bạch hoá tại EVFTA không liên quan trực tiếp đến các nội dung tại Luật phòng, chống rửa tiền mà chủ yếu liên quan đến các quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định 100/2010/NĐ-CP về Công báo, Luật Khiếu nại, Luật tố tụng hành chính, Nghị định 59/2012/NĐ-CP về theo dõi thi hành pháp luật, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012, Luật Tố tụng Dân sự 2015, Luật Tố tụng Hành chính 2015, Luật Trọng tài thương mại 2010… Tuy nhiên, việc ban hành Luật phòng, chống rửa tiền đã thể hiện quyết tâm và nỗ lực của Việt Nam trong việc hoàn thiện khung khổ pháp lý liên quan và tăng cường hiệu quả thực thi của cơ chế phòng, chống rửa tiền tại Việt Nam, tạo môi trường pháp lý lành mạnh và hiệu quả cho các chủ thể kinh tế. Như vậy, việc ban hành và sửa đổi, bổ sung Luật phòng, chống rửa tiền đã góp phần thực hiện các cam kết của Việt Nam trong EVFTA.

**C. RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT**

**1. Các quy định đồng bộ, tương thích giữa dự thảo Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi) với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan**

Nội dung của Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi) cơ bản phù hợp,không ảnh hưởng tới quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Kết quả rà soát cụ thể như sau:

*a) Mội số khái niệm và quy định chung*

(i) Về đối tượng báo cáo

Dự thảo Luật kế thừa quy định về đối tượng báo cáo PCRT tại Luật PCRT, bao gồm tổ chức tài chính và tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan. Để phù hợp với nội hàm khái niệm của FATF và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung tên gọi của một số hoạt động của đối tượng báo cáo, ví dụ: sửa đổi tên gọi hoạt động cung cấp dịch vụ ủy thác đầu tư thành hoạt động cung cấp dịch vụ thỏa thuận pháp lý, sửa đổi, bổ sung tên gọi các hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kinh doanh trò chơi có thưởng … để phù hợp với pháp luật hiện hành điều chỉnh các hoạt động này.

Dự thảo Luật luật hóa quy định tại Nghị định 87/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2013/NĐ-CP, theo đó bổ sung đối tượng báo cáo là các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

(ii) Về một số khái niệm:

Dự thảo Luật bổ sung một số khái niệm như: “chuyển tiền điện tử”; “ hành vi rửa tiền” tại Điều 4.

- Việc bổ sung quy định liên quan đến “giao dịch chuyển tiền điện tử” tại dự thảo Luật là phù hợp với các quy định tại Luật Giao dịch điện tử năm 2005 (Điều 4) và các quy định về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (*Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 80/2016/NĐ-CP và Thông tư số 46/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 của Thống đốc NHNN hướng dẫn về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt)*.

- Quy định về “ hành vi rửa tiền” tại dự thảo bao hàm được quy định tại Điều 324 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24/5/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 324 của Bộ luật Hình sự về tội rửa tiền.

* Kết quả rà soát: Các quy định chung về đối tượng báo cáo, các khái niệm tại dự thảo Luật kế thừa được pháp luật về PCRT hiện hành đồng thời phù hợp với các Luật có liên quan như: Bộ luật Hình sự, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Đầu tư, Luật Giao dịch điện tử, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp…

*b) Quy định về nhận biết khách hàng và cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng*

Điều 10 dự thảo Luật quy định về thông tin nhận biết khách hàng. Nội dung về thông tin khách hàng được quy định cụ thể đối với từng đối tượng như khách hàng là cá nhân có một quốc tịch; cá nhân có từ 02 quốc tịch trở lên; cá nhân không quốc tịch và khách hàng là tổ chức...

Điều 12 dự thảo Luật quy định về xác minh thông tin nhận biết khách hàng, theo đó, đối tượng báo có sử dụng các tài liệu, dữ liệu là các giấy tờ như chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu và các giấy tờ khác (đối với khách hàng là cá nhân); giấy phép hoặc quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, điều lệ… ( đối với khách hàng là doanh nghiệp). Dự thảo đã sửa đổi, bổ sung tên các giấy tờ cung cấp phù hợp với Luật Căn cước công dân và Luật Doanh nghiệp; bổ sung quy định về “các tài liệu, dữ liệu liên quan đến người thành lập, người đại diện theo pháp luật của tổ chức, chủ sở hữu hưởng lợi”, “điều lệ của tổ chức” phù hợp quy định của Luật Doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, đối tượng báo cáo cũng có thể khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Đây là quy định mới phù hợp với pháp luật hiện hành về việc chia sẻ thông tin trong CSDL quốc gia về cư dân cho cá nhân, tổ chức. Việc khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của đối tượng báo cáo phải căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành (Luật Căn cước công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành).

* Kết quả rà soát: Việc sửa đổi, bổ sung mới một số thông tin nhận biết khách hàng, xác minh thông tin nhận biết khách hàng nhằm khắc phục những bất cập trong thực tiễn và phù hợp với quy định tại Luật Quốc tịch; Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Luật cư trú 2020, Luật Căn cước công dân 2014, Luật căn cước công dân, Luật Doanh nghiệp...

*c) Quy định về thoả thuận pháp lý, minh bạch thông tin của pháp nhân*

Khoản 13 Điều 3 dự thảo Luật quy định về “Thỏa thuận pháp lý” để phù hợp với quy định tại Khuyến nghị số 25 của FATF về “Minh bạch thông tin về thỏa thuận pháp lý” và quy định tại Điều 2 Công ước Hague về Ủy thác. Đồng thời, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định về minh bạch thông tin của pháp nhân (Điều 21) và bổ sung quy định minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý (Điều 22).

* Kết quả rà soát: Việc quy định minh bạch thông tin của pháp nhân phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành tại Bộ luật Dân sự và Luật Doanh nghiệp.

*d) Quy định về bảo đảm bí mật hồ sơ, thông tin, tài liệu, báo cáo:*

Điều 33 Dự thảo Luật quy định: “*Đối tượng báo cáo phải tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước và bảo mật thông tin nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật có liên quan đối với hồ sơ thông tin và tài liệu liên quan đến các giao dịch phải báo cáo theo quy định của Luật này…”*.

* Kết quả rà soát

Việc quy định về bảo đảm bí mật thông tin, tài liệu báo cáo được xây dựng phù hợp với quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

*e) Quy định về phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản*

Điều 45 dự thảo Luật quy định về các biện pháp phòng ngừa áp dụng đối với đối tượng báo cáo và cơ quan có thẩm quyền nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn tiếp nhận các thông tin, báo cáo về phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản.

Hệ thống pháp luật hiện hành có quy định về phong tỏa , niêm phong hoặc tạm giữ tài sản, cụ thể: Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015: Điều 114 quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời; Điều 124. Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước; Điều 125. Phong tỏa tài sản ở nơi gửi; Điều 126. Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ; Điều 133. Thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự (Điều 12); Nghị định số 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ về tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố (Điều 3, Điều 7, Điều 8).

* Kết quả rà soát:

Như vậy, việc quy định về phong tỏa tài khoản, niêm phong hoặc tạm giữ tài sản tại Điều 38 dự thảo Luật là hoàn toàn phù hợp với các quy định về nội dung này tại Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và các văn bản có liên quan.

*g) Quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong PCRT*

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của bộ, ngành, trong đó bổ sung trách nhiệm trong việc thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành về PCRT thuộc lĩnh vực quản lý; luật hóa trách nhiệm quản lý về phòng, chống rửa tiền, cụ thể: từ Điều 49 đến Điều 53 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp; từ Điều 54 đến Điều 58 dự thảo Luật bổ sung trách nhiệm của Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao và Bộ Thông tin và Truyền thông nhằm đảm bảo phù hợp với quy định mới tại Điều 7 về “Đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành về rửa tiền” và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của từng Bộ, ngành.

* Kết quả rà soát

Trên cơ sở rà soát các Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, ngành (Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng; Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp; Nghị định số 26/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao; Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài nguyên và Môi trường), nội dung tại dự thảo Luật bổ sung trách nhiệm của các Bộ, ngành bảo đảm phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của các bộ, ngành và tính thống nhất với quy định pháp luật liên quan.

*h) Quy định về hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền*

Dự thảo Luật quy định về hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền (điều 6). Quy định này được kế thừa từ quy định tại Luật PCRT và luật hóa các quy định tại Nghị định 116/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung). Theo đó, dự thảo Luật quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung hợp tác quốc tế về PCRT, các trường hợp từ chối yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin, quy trình, thủ tục, phương thức hợp tác quốc tế về PCRT và trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong hợp tác quốc tế về PCRT. Bên cạnh đó, để đáp ứng thực tiễn công tác trao đổi, cung cấp thông tin về PCRT, dự thảo Luật cũng bổ sung nguyên tắc: trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về PCRT, việc trao đổi, chuyển giao thông tin trong hợp tác quốc tế về PCRT được thực hiện trên nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái với pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật và tập quán quốc tế.

Kết quả rà soát:

Các quy định về hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền tại dự thảo Luật này phù hợp với các quy định về tương trợ tư pháp, dẫn độ, hợp tác quốc tế được quy định tại một số văn bản QPPL như: Luật Tương trợ tư pháp, Luật Điều ước quốc tế, Luật Tố tụng hình sự.

**2. Các quy định cần bổ sung trong văn bản pháp luật liên quan**

*a) Về xử lý vi phạm hành chính*

Tại Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố giai đoạn 2015 – 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 2112/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao NHNN, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, Bộ Tư pháp phối hợp “Đưa nội dung xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền, tài trợ cho khủng bố vào Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực”.

Nhằm đảm bảo dự thảo Luật không phát sinh mâu thuẫn với Luật Xử lý vi phạm hành chính và các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực; đảm bảo đáp ứng được các quy định của pháp luật Việt Nam và tình hình thực tiễn trong nước, các chuẩn mực quốc tế về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố, các yêu cầu của Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc tham gia, công nhận; trong quá trình xây dựng dự thảo Luật, NHNN đã rà soát các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực có liên quan. Qua rà soát, hiện nay một số nội dung xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền đã được quy định tại Nghị định xử phạt hành chính trong một số lĩnh vực (bao gồm: lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng; lĩnh vực tài chính; hải quan; kế toán; kiểm toán độc lập; chứng khoán; bảo hiểm). Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất của các quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi), sau khi Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi) được ban hành, các Bộ ngành cần rà soát, báo cáo Chính phủ để đề xuất sửa đổi các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính​ trong các lĩnh vực liên quan theo hướng bổ sung xử lý đối với các hành vi vi phạm mới, các hành vi vi phạm được sửa đổi, bổ sung tại dư thảo Luật.

*b) Về các nội dung dẫn chiếu tại Luật Phòng, chống khủng bố 2013 và pháp luật về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt*

Điều 34 Luật Phòng, chống khủng bố quy định nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng và áp dụng biện pháp tạm thời; Điều 35 Luật Phòng, chống khủng bố quy định về kiểm soát vận chuyển tiền mặt, kim khí quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới có nội dung dẫn chiều đến Luật Phòng, chống rửa tiền. Quá trình nghiên cứu sửa đổi Luật Phòng, chống rửa tiền đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung những quy định nêu trên tại Luật Phòng, chống khủng bố và pháp luật về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Với thời hạn phải báo cáo kết quả thực hiện đánh giá của APG vào tháng 3/2023, trong khi việc sửa đổi, bổ sung Luật phòng, chống KB, pháp luật về tài trợ PBVKHDHL vẫn đang trong quá trình nghiên cứu, rà soát, việc sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật phòng, chống KB, pháp luật về tài trợ PBVKHDHL tại dự thảo Luật này là cần thiết. Do đó, Dự thảo Luật bổ sung quy định sửa đổi, bổ sung Điều 34, 35 Luật Phòng, chống KB và pháp luật về phòng, chống tài trợ PBVKHDHL theo hướng tương đồng với các quy định mới được sửa đổi tại dự thảo Luật PCRT.

*Nội dung rà soát quy định pháp luật liên quan đến Luật Phòng, chống rửa tiền được chi tiết tại Phụ lục II đính kèm.*

**IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

Thông qua hoạt động rà soát các nội dung của dự thảo Luật với hệ thống các văn bản pháp luật của nhà nước trong các lĩnh vực khác nhau cho thấy, về cơ bản, nội dung và hình thức dự thảo Luật đã đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ với các cam kết quốc tế và các văn bản QPPL có liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống rửa tiền góp phần khắc phục những hạn chế nội tại trong các quy định của pháp luật; giải quyết các bất cập, hạn chế trong các quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động phòng, chống rửa tiền.

Bên cạnh đó, việc sửa đổi Luật PCRT thể hiện nỗ lực của Việt Nam nhằm khắc phục các thiếu hụt về mặt pháp lý đã chỉ ra trong báo cáo đánh giá đa phương. Từ đó đảm bảo phù hợp với các nghĩa vụ và cam kết quốc tế của Việt Nam, thể hiện Việt Nam là một thành viên có trách nhiệm trong công tác PCRT/TTKB/PBVKHDHL của khu vực cũng như trên toàn thế giới. Đồng thời, việc này cũng phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, nhằm khắc phục những hạn chế của các quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo sự phù hợp với các yêu cầu và chuẩn mực quốc tế, qua đó nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác PCRT/TTKB/PBVKHDHL trong thời gian tới./.

**PHỤ LỤC I**

**Danh mục các điều ước quốc tế và các văn bản quy phạm pháp luật trong nước phục vụ rà soát xây dựng dự thảo Luật Phòng, chống rửa tiền**

**(sửa đổi)**

**I. Điều ước quốc tế**

1. Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp ma túy và chất hướng thần năm 1988 (Công ước Viên)

2. Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 (Công ước Palécmô)

3. Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003 (Công ước Merida)

4. Công ước quốc tế về chống tài trợ khủng bố năm 1999

5. Công ước ASEAN về chống khủng bố

6. Công ước Hague về Ủy thác

**II. Hiệp định**

1. Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)

2. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)

**III. Hiến pháp 2013**

**IV. Bộ luật, Luật của Quốc hội**

1. Bộ Luật Dân sự năm 2015

2. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

3. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

4. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)

5. Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010

6. Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022

7. Luật Quốc tịch năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

8. Luật Căn cước công dân năm 2014 và Luật Cư trú 2020

9. Luật Doanh nghiệp 2020

10. Luật xuất cảnh, nhập cảnh và quá cảnh của cá nhân người nước ngoài năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)

11. Luật Giao dịch điện tử năm 2005

12. Luật Điều ước quốc tế năm 2016

13. Luật Tương trợ tư pháp năm 2007

14. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018

15. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

16. Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012)

17. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016

18. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2018)

19. Luật Hải quan năm 2014

**V. Nghị định của Chính phủ**

1. Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng

2. Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt

3. Nghị định số 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ về tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố

4. Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt

5. Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

6. Nghị định số 26/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao

7. Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ

8. Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài nguyên và Môi trường

9. Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng

10. Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính

11. Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp

12. Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

13. Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật cư trú

14. Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

15. Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội

16. Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện

17. Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam

18. Nghị định số 88/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 143/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021)

**VI. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao**

1. Quyết định 20/2013/QĐ-TTg ngày 18/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định mức giá trị của giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo.

2. Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24/5/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 324 của Bộ luật Hình sự về tội rửa tiền

**VII. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ**

1. Thông tư số 46/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 của Thống đốc NHNN hướng dẫn về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

2. Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 9/12/2019 hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2019/TT-NHNN)

3. Thông tư số 16/2020/TT-NHNN ngày 04/12/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 về hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán./.